

**BÁO CÁO ĐỊNH MỨC KHOẢN, KINH PHÍ HỖ TRỢ VỊ TRÍ VIỆC LÀM GIÁO VIÊN
 ĐỐI VỚI CẤP THCS CÔNG LẬP NĂM 2022 - 2025**

(Số liệu tính đến ngày 15/10/2025)

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND, ngày tháng 10/2025 của Ủy ban nhân dân xã Phượng Tiến)

Đơn vị	Trường	Cấp học	Tổng cộng				Năm 2022				Năm 2023				Năm 2024				Năm 2025			
			Định mức được cấp	Số tiền được cấp (triệu đồng)	Định mức đã sử dụng	Số tiền đã sử dụng (triệu đồng)	Định mức được cấp	Số tiền được cấp (triệu đồng)	Định mức đã sử dụng	Số tiền đã sử dụng (triệu đồng)	Định mức được cấp	Số tiền được cấp (triệu đồng)	Định mức đã sử dụng	Số tiền đã sử dụng (triệu đồng)	Định mức được cấp	Số tiền được cấp (triệu đồng)	Định mức đã sử dụng	Số tiền đã sử dụng (triệu đồng)	Định mức được cấp	Số tiền được cấp (triệu đồng)	Định mức đã sử dụng	Số tiền đã sử dụng (triệu đồng)
UBND xã Phượng Tiến			685	2574.2	537.851	2059.09	200	700	152	531.34	190	665	138	512.95	157	643.7	146.5	600.7	138	565.5	101	414.1
	MN Phượng Tiến	Nhà trẻ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		Mẫu giáo	229	860.9	162.67	619.5	65	227.5	48.27	168.9	65	227.5	30.9	108.2	49	200.9	42.5	174.3	50	205	41	168.1
	MN Tân Dương	Nhà trẻ	33	123.9	29.221	113.32	9	31.5	6.391	22.37	10	35	8.83	33.55	9	36.9	9	36.9	5	20.5	5	20.5
		Mẫu giáo	108	403.2	94.05	362.37	36	126	25.56	89.47	30	105	26.49	100.7	27	110.7	27	110.7	15	61.5	15	61.5
	MN Tân Thịnh	Nhà trẻ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		Mẫu giáo	315	1186.2	251.91	963.9	90	315	71.9	250.6	85	297.5	72.01	270.5	72	295.2	68	278.8	68	278.5	40	164

**BÁO CÁO ĐỊNH MỨC KHOẢN, KINH PHÍ HỖ TRỢ VỊ TRÍ VIỆC LÀM GIÁO VIÊN
ĐỐI VỚI CÁC TRƯỜNG MẦM NON CÔNG LẬP NĂM 2022 - 2025**

(Số liệu tính đến ngày 15/10/2025)

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND, ngày tháng 10/2025 của Ủy ban nhân dân xã Phượng Tiến)

TT	Đơn vị	Trường	Cấp học	Tổng cộng				Năm 2022				Năm 2023				Năm 2024				Năm 2025			
				Định mức được cấp	Số tiền được cấp (triệu đồng)	Định mức đã sử dụng	Số tiền đã sử dụng (triệu đồng)	Định mức được cấp	Số tiền được cấp (triệu đồng)	Định mức đã sử dụng	Số tiền đã sử dụng (triệu đồng)	Định mức được cấp	Số tiền được cấp (triệu đồng)	Định mức đã sử dụng	Số tiền đã sử dụng (triệu đồng)	Định mức được cấp	Số tiền được cấp (triệu đồng)	Định mức đã sử dụng	Số tiền đã sử dụng (triệu đồng)	Định mức được cấp	Số tiền được cấp (triệu đồng)	Định mức đã sử dụng	Số tiền đã sử dụng (triệu đồng)
62	UBND xã Phượng Tiến			260	1345.5	186	980.18	115	563.5	71.52	340.48	80	392	61.77	323.6	25	150	24.68	148.1	40	240	28	168
		MN Phượng Tiến	Nhà trẻ	25	128	11.63	60.3	10	49	3.63	17.8	10	49	5	24.5	0	0	0	0	5	30	3	18
			Mẫu giáo	10	49	4	19.6	10	49	4	19.6	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		MN Tân Dương	Nhà trẻ	19	93.1	12.91	67.3	4	19.6	4	19.6	15	73.5	8.91	47.7	0	0	0	0	0	0	0	0
			Mẫu giáo	46	236.4	27.18	144.18	31	151.9	12.18	59.68	5	24.5	5	24.5	5	30	5	30	5	30	5	30
		MN Tân Thịnh	Nhà trẻ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
			Mẫu giáo	160	839	130	688.8	60	294	47.71	223.8	50	245	42.86	226.9	20	120	19.68	118.1	30	180	20	120

**BÁO CÁO ĐỊNH MỨC KHOẢN, KINH PHÍ HỖ TRỢ VỊ TRÍ VIỆC LÀM GIÁO VIÊN
ĐỐI VỚI CẤP TIỂU HỌC CÔNG LẬP NĂM 2022 - 2025**

(Số liệu tính đến ngày 15/10/2025)

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND, ngày tháng 10/2025 của Ủy ban nhân dân xã Phượng Tiến)

TT	Đơn vị	Trường	Cấp học	Tổng cộng				Năm 2022				Năm 2023				Năm 2024				Năm 2025			
				Định mức được cấp	Số tiền được cấp (triệu đồng)	Định mức đã sử dụng	Số tiền đã sử dụng (triệu đồng)	Định mức được cấp	Số tiền được cấp (triệu đồng)	Định mức đã sử dụng	Số tiền đã sử dụng (triệu đồng)	Định mức được cấp	Số tiền được cấp (triệu đồng)	Định mức đã sử dụng	Số tiền đã sử dụng (triệu đồng)	Định mức được cấp	Số tiền được cấp (triệu đồng)	Định mức đã sử dụng	Số tiền đã sử dụng (triệu đồng)	Định mức được cấp	Số tiền được cấp (triệu đồng)	Định mức đã sử dụng	Số tiền đã sử dụng (triệu đồng)
62	UBND xã Phượng Tiến			215	20999	191.57	1106.94	101	553	90.741	499.057	89.7	502.301	78.689	461.747	24.7	19943.22	22.14	146.132	0	0	0	0
		Tiểu học Phượng Tiến	Tiểu học	64.24	371.119	64.248	371.119	35.54	195.52	35.548	195.518	20.7	122.801	20.7	122.801	8	52.8	8	52.8	0	0	0	0
		Tiểu học Tân Dương	Tiểu học	45.5	20034	34.793	195.06	20	110	16.113	88.623	22.5	123.75	17	95.318	3	19800	1.68	11.119	0	0	0	0
		Tiểu học Tân Thịnh	Tiểu học	105.2	593.67	92.529	540.757	45	247.5	39.08	214.916	46.5	255.75	40.989	243.628	13.7	90.42	12.46	82.213	0	0	0	0

**BÁO CÁO ĐỊNH MỨC KHOẢN, KINH PHÍ HỖ TRỢ VỊ TRÍ VIỆC LÀM GIÁO VIÊN
ĐỐI VỚI CẤP THCS CÔNG LẬP NĂM 2022 - 2025**

(Số liệu tính đến ngày 15/10/2025)

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND, ngày tháng 10/2025 của Ủy ban nhân dân xã Phượng Tiến)

TT	Đơn vị	Trường	Cấp học	Tổng cộng				Năm 2022				Năm 2023				Năm 2024				Năm 2025			
				Định mức được cấp	Số tiền được cấp (triệu đồng)	Định mức đã sử dụng	Số tiền đã sử dụng (triệu đồng)	Định mức được cấp	Số tiền được cấp (triệu đồng)	Định mức đã sử dụng	Số tiền đã sử dụng (triệu đồng)	Định mức được cấp	Số tiền được cấp (triệu đồng)	Định mức đã sử dụng	Số tiền đã sử dụng (triệu đồng)	Định mức được cấp	Số tiền được cấp (triệu đồng)	Định mức đã sử dụng	Số tiền đã sử dụng (triệu đồng)	Định mức được cấp	Số tiền được cấp (triệu đồng)	Định mức đã sử dụng	Số tiền đã sử dụng (triệu đồng)
62	UBND xã Phượng Tiến			306.2	1698.7	236	1339.3	118	625.27	94.9	503.25	128.5	681.05	103.9	591.27	55.3	353.9	35.2	225.6	4.4	38.5	2.2	19.199
		THCS Phượng Tiến	THCS	111.5	623.1	81.7	460.9	40	212	35	185.7	47	249.1	36	206.4	24.3	155.5	10.7	68.8	0.2	6.5	0	0
		THCS Tân Dương	THCS	72.1	405.76	61.28	347.7	26	137.67	23	121.9	24.5	129.85	21.7	119.7	17.6	112.64	14.58	93.304	4	25.6	2	12.799
		THCS Tân Thịnh	THCS	122.6	669.86	93.22	530.72	52	275.6	36.9	195.65	57	302.1	46.2	265.17	13.4	85.76	9.92	63.494	0.2	6.4	0.2	6.4